

M U

1. LÝ DO CHỌN TÀI

Vì mục tiêu là xây dựng hệ thống tài chính mới cho giáo dục, nhân lực và sự đổi mới công nghệ nhân lực của nhà nước, xã hội nâng cao chất lượng và tăng quy mô GD&T, đáp ứng yêu cầu của chiến lược CNH-HH thì nhiệm vụ quản lý tài chính, hiện đại hóa nhân lực và nâng cao hiệu quả đầu tư là hành động không thể thiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay.

Khu vực Tây Bắc gồm các tỉnh biên giới, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và 7 tỉnh miền núi phía Bắc phân cấp giao quyền tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Trên thực tế việc thực hiện quy định của các trường còn thấp; nhân lực tài chính ngoài ngân sách còn quá nhỏ, chủ yếu đi đầu tư và sản xuất. Thực hiện quy định của ngân sách và TNXH, cần tiếp tục áp dụng các yêu cầu quản lý tài chính trong khâu trao quyền, mở rộng tính hiệu quả, linh hoạt, công khai,...

Có thể thực hiện tốt quy định TCTC và TNXH toàn diện các trường miền núi phía Bắc theo mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm toàn diện giáo dục thì việc xây dựng "Cơ sở khoa học và giải pháp thực hiện quy định và trách nhiệm xã hội trong quản lý tài chính của các trường cao đẳng miền núi phía Bắc" góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay là cần thiết.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, xuất phát các giải pháp thực hiện tốt hơn quyền tài chính và TNXH trong quản lý tài chính của các trường miền núi phía Bắc.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

- Khách thể nghiên cứu: Các trường công lập miền núi phía Bắc.

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động quản lý tài chính theo chế độ thực hiện quy định và TNXH.

4. GIỚI THIỆU KHOA HỌC

Quản lý tài chính của các trường miền núi phía Bắc còn nhiều hạn chế, mặt khác và năng lực thực hiện TNXH về tài chính còn thấp gây cản trở đáng kể cho hoạt động đào tạo của các trường, nên xuất phát các giải pháp thực hiện tốt hơn quyền tài chính và TNXH trong quản lý tài chính

thì sự mở rộng công nghệ nhân lực, sự đổi mới công nghệ nhân lực tài chính có tầm ảnh hưởng phát triển của các trường trong giai đoạn mới.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu xác lập cơ sở lý luận về thực hiện quy định và TNXH trong quản lý tài chính của các trường công lập;

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện quy định và TNXH trong quản lý tài chính của các trường miền núi phía Bắc.

- Xuất phát giải pháp nhân lực thực hiện tốt quy định và TNXH trong quản lý tài chính của các trường miền núi phía Bắc;

- Thiết kế khảo nghiệm tính khả thi và khả thi của các giải pháp thực hiện; thực nghiệm giải pháp hiện đại hóa các nhân lực.

6. GIỚI HẠN CỦA TÀI

- Giới hạn nội dung: Luận án chỉ đề cập về xác lập cơ sở khoa học cho văn bản TCTC và TNXH trong quản lý tài chính.

- Giới hạn phạm vi nghiên cứu: Các tỉnh biên giới - Kinh tế - Khu vực biên giới, Sơn La, Công nghệ Lai Châu, Các tỉnh miền núi phía Bắc.

7. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp luận

Thực hiện mục tiêu của tài, luận án sử dụng 4 quan điểm chính: Quan điểm hệ thống, quan điểm lãnh đạo, quan điểm tổng hợp, quan điểm quản lý thay đổi.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu gồm: điều tra, khảo sát; thực nghiệm; phân tích tổng hợp; nghiên cứu lý luận; chuyên gia và phương pháp thực nghiệm.

8. LUẬN ĐIỂM

Luận điểm 1: Quản lý tài chính theo chế độ thực hiện quy định và TNXH trong các trường công lập là vấn đề then chốt. Quản lý tài chính Nhà trường trong khâu thực hiện quy định và TNXH phải mở rộng 4 yêu cầu: tính hiệu quả, tính linh hoạt, tính công khai, tính minh bạch và hoàn toàn có thể phát triển kinh tế hóa thu nhập quy định và TNXH về tài chính của các cơ sở GDH thành các tiêu chí có cơ sở nhân thực và nhân lực cho việc thực hiện đánh giá.

Luận điểm 2: Việc thực hiện TCTC và TNXH của các trường miền núi phía Bắc hiện còn có những hạn chế nhất định. Những hạn chế này cần thực hiện thông qua kết quả đánh giá.

Luận điểm 3: Các giải pháp mà luận án đã xây dựng là hữu ích cho việc nâng cao chất lượng TCTC và TNXH của các trường Công lập khu vực Tây Bắc.

9. ĐÓNG GÓP MẶT CẠM LUẬN ÁN

- Về mặt lý luận: Làm sáng tỏ về mặt lý luận về tổ chức tài chính và TNXH. Xây dựng 4 yêu cầu trong quản lý tài chính.

- Luận điểm tiên tiến hành ảnh hưởng về tổ chức và TNXH trong quản lý tài chính của các trường Công lập khu vực Tây Bắc theo phương pháp AHP theo 5 tiêu chí và các chỉ tiêu khác nhau.

- Xu hướng các giải pháp quản lý, sẽ được hiểu và quản lý tài chính trong các trường nghiên cứu.

10. CẤU TRÚC LUẬN ÁN

Chương 1. Cơ sở lý luận về tổ chức và TNXH trong quản lý tài chính của các trường cao đẳng công lập và kinh nghiệm các nước.

Chương 2. Tổ chức và TNXH trong quản lý tài chính của các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

Chương 3. Giải pháp tổ chức và TNXH trong quản lý tài chính về các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ TNXH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG LẬP VÀ KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC

1.1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VỀ

1.1.1. Nghiên cứu ngoài nước

Trên thế giới các trường Đại học giao quyền tổ chức tự trị. Wilhelm Von Humboldt về vai trò nguyên lý tổ chức do giáo dục và tổ chức hợp pháp của nhà nước. Hội đồng Giáo dục (Education Commission, 1964-1966) cho rằng vai trò do học thuật và vai trò giáo viên là một yêu cầu cần thiết. Salmi, J. (2009) cho rằng: Tổ chức tốt cho các trường mầm non, trung học phổ thông, đại học, phát triển tổ chức học thuật, tập trung nhân tài và huy động nguồn lực tài chính. Tác giả là Thomas Estermann và Terhi Nokkala... Nói chung, có nhiều công trình đã nghiên cứu về vai trò nội dung và tiêu chí khác nhau về tổ chức và TNXH trên thế giới như Anh, Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Singapo... Tác giả Việt Nam, trong thời gian qua đã có không ít tác giả, cá nhân nghiên cứu về vai trò TCTC và TNXH. Hayden và Thiệp (2006, 2007) trong “A 2020 vision for Vietnam” và “Institutional autonomy for HE in Vietnam” cho rằng sự tự trị của GDH Việt Nam gắn với vai trò quản lý và mô hình tổ chức học thuật. Các chỉ số, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác quản lý giáo dục cũng đã có phần nội dung này. Công trình nghiên cứu của các tác giả Phạm Quang Sáng, Phạm Phú, Ngô Doãn Hải, Nguyễn Văn Lê, Lê Ngọc, ... đã đi sâu phân tích hệ thống lý luận và phạm vi giải pháp về tổ chức và TNXH. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu trên mang tính chất tổng quát chung cho hệ thống GDH trên thế giới và Việt Nam, chưa có phần TCTC và TNXH cho các trường Công lập khu vực Tây Bắc. Hệ thống các công trình nghiên cứu trên là cơ sở tác giả nghiên cứu, kết quả nghiên cứu cho luận án.

1.1.2. Nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam từ năm 1998 nay, về vai trò TCTC và TNXH đã có nhiều tác giả nghiên cứu trong tổ chức và TNXH của các trường mầm non, trung học phổ thông, đại học và các trường khác trên thế giới; nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn phân cấp quản lý và quản lý tài chính theo tổ chức và TNXH; phạm vi giải pháp cho tổ chức và TNXH.

1.2. TR NG CAO NG VÀ VAI TRÒ C ANGU NL C TÀI CHÍNH

1.2.1. S m nh c a tr ng cao ng i v is phát tri n kinh t - xã h i

- ào t o trình C góp ph n phát tri n ngu n nhân l c, thúc y n n kinh t t ng tr ng nhanh và b n v ng, xóa ói, gi m nghèo.

- M r ng kh n ng thích ng linh ho t v i yêu c u ngu n nhân l c c a th tr ng lao ng.

- ào t o trình C góp ph n t o l p công b ng trong xã h i.

1.2.2. Vai trò c a ngu n l c tài chính v is phát tri n c a tr ng cao ng

Tài chính th hi n s v n ng c a v n t i n t di n ra m i ch th trong xã h i. i v i GD H và C , tài chính có vai trò quan tr ng: Duy trì ho t ng c a các tr ng, chi ph i quy mô, m c tiêu, ch t l ng c a giáo d c .

1.3. PHÂN C P, T CH VÀ TRÁCH NHI M XÃ H I V QU N LÝ TÀI CHÍNH C A CÁC TR NG CAO NG

1.3.1. Qu n lý tài chính trong các tr ng cao ng công l p

1.3.1.1. Khái ni m

Phân tích m t s khái ni m v qu n lý, tài chính, qu n lý tài chính theo ngh a r ng, ngh a h p và đ i nhi u góc khác nhau.

1.3.1.2. N i dung qu n lý tài chính trong các tr ng cao ng

Các n i dung qu n lý tài chính trong tr ng C bao g m các qu n lý thu, qu n lý chi trong ó xác nh rõ các ngu n thu và m c chi c th .

1.3.2. Phân c p qu n lý và phân c p qu n lý tài chính

Phân c p qu n lý nh m trao cho a ph ng và c s giáo d c nhi u quy n t ch h n. Tuy nhiên, phân c p qu n lý trong GD& T ph thu c r t nhi u vào n ng l c qu n lý và n ng l c phân c p c a các c p chính quy n. Hanson (1998) cho r ng quá trình phân c p qu n lý g m: y thác nhi m v , y quy n và phi t p trung hóa.

Phân c p qu n lý giáo d c Vi t Nam c th hi n rõ trong v n b n pháp quy nh : Lu t Ngân sách 2002; Ngh nh 10; Ngh nh 43;... B a l nh v c chính trong phân c p qu n lý giáo d c c a nhà n c ta ó là: Phân c p v ho t ng, t ch c biên ch , tài chính. Các tr ng C khu v c Tây B c có r t ít th c quy n khi B GD& T v n qu n lý t p trung v chuyên môn nh : khung ch ng trình ào t o, m mã ngành và UBND t nh l i qu n lý ch t ch v nhân s và tài chính, v i th ù vai trò c a phân c p qu n lý tài chính là r t l n nh ng th c t hi n nay quá trình này ch a có tác ng m nh m n hi u qu qu n lý tài chính c a nhà tr ng.

1.3.3. T ch và t ch tài chính

1.3.3.1. Khái ni m t ch

Có nhi u t ch c, cá nhân a ra nh ngh a, khái ni m v t ch tài chính. Nhìn chung, các tác gi ã a ra các quan i m, khái ni m v t ch và TCTC hai góc : đ i góc ngu n l c: quy n t ch g n v i các ngu n l c c a tài chính nh quy n t ch trong ví c t o l p, phân ph i, s đ ng các ngu n l c t i n t g m NSNN và ngu n ngoài NSNN; đ i góc ch th : quy n TCTC c a c s giáo d c ph i g n v i ch th (ch th pháp lý, ch th kinh t).

1.3.3.2. B n ch t c a t ch

B n ch t c a t ch là v n hoá qu n lý phân quy n trong ó ph thu c vào nhi u y u t nh ch tr ng, ch chính sách c a Nhà n c; s n ng ng, sáng t o c a h th ng nhân s ; h th ng m b o ch t l ng c n c s quan tâm c a t t c các bên liên quan nh Nhà n c, nhà tr ng, doanh nghi p, khách hàng, HSSV trong m i b c i c a t i n trình t ch .

1.3.3.3. N i dung c a t ch

T ch - t ch u trách nhi m các c s giáo d c th hi n trên m i l nh v c ho t ng c a nhà tr ng bao g m: t ch v biên ch ; t ch v ho t ng c a tr ng và t ch v tài c hính. M i n i dung c phân tích c th trong lu n án.

1.3.3.4. M c t ch

T ch g m 3 m c : hoàn toàn, t ch m t ph n và t ch trong i u ki n c m b o toàn b kinh phí. M i hình th c t ch trên u c Nhà n c quy nh c th n i dung và cách th c th c hi n

1.3.3.5. M i quan h gi a t ch tài chính v i các t ch khác c a tr ng cao ng, i h c

Qu n t t ch s không t c m c tiêu n u 4 n i dung t ch c, nhân s , tài chính, h c thu t không c giao ng th i và ó c ng là i u k i n th c hi n t ch . T ch tài chính s t o i u ki n cho các tr ng H ch ng trong ví c s đ ng kinh phí, s p x p l i b máy, b trí lao ng, nâng cao hi u qu , ch t l ng giáo d c ào t o và nghiê n c u khoa h c và t ng b c nâng cao thu nh p c a cán b viên ch c c a m i nhà tr ng.

1.3.4. Trách nhi m xã h i trong qu n lý tài chính c a các tr ng cao ng

1.3.4.1. Khái ni m trách nhi m xã h i

Trách nhi m xã h i c hi u chung là v i c nhà tr ng t ánh giá và giám sát v i c th c hi n các quy nh c a Nhà n c, s n sàng gi i trình,

công khai và minh bạch các hoạt động của nhà trường và chịu trách nhiệm về các kết quả hoạt động của mình, sẵn sàng giải trình với các bên có liên quan nhằm bảo lợi ích của chính bản thân nhà trường, của Nhà nước, của người học và của cộng đồng xã hội.

1.3.4.2. B n ch t c a trách nhiệm xã h i

Trách nhiệm xã hội là nghĩa vụ báo cáo mang tính đạo đức và quản lý về những hoạt động và kết quả thu được, giải thích kết quả thực hiện và thể hiện trách nhiệm với việc những kết quả không mong đợi của nhà trường cho các bên liên quan.

1.3.4.3. N i dung trách nhiệm xã h i c a nhà trường trong quản lý tài chính

Trách nhiệm xã hội của nhà trường trong quản lý tài chính gồm: xác nhận các yếu tố vào tài thi đua thi đua và số ngân sách tài chính có hiệu quả; có trách nhiệm sẵn sàng tính thích hợp của các chương trình hoạt động; xây dựng các quy định rõ ràng về ngân sách quy định thu - chi tài chính; sẵn sàng giải thích các quy định kèm theo bằng chứng khi có bất kỳ ai hỏi...

1.3.5. M i quan hệ giữa trường và trách nhiệm xã h i trong quản lý tài chính của các trường cao đẳng

Quy định và TNXH luôn là hai mặt của một vấn đề, thể hiện TCTC luôn cần thi thiết thể hiện TNXH với Nhà nước, nhà trường, người học và các bên liên quan.

1.4. CÁC NHÂN TỐ NHƯ NGUYÊN TỐ QUY ĐỊNH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG

1.4.1. Chế độ, chính sách của Nhà nước

Nhà nước xây dựng nền tảng phát triển GDH, thông qua xây dựng hệ thống mục tiêu, bước đi và các giải pháp; xây dựng các chế độ; xây dựng hệ thống chính sách; chế độ tổ chức thể hiện và kiểm tra giám sát.

1.4.2. Nhân tố của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong nhà trường và trách nhiệm xã hội trong quản lý tài chính

Nhân tố của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong nhà trường về TCTC và TNXH có những ảnh hưởng không nhỏ đến việc thể hiện thành công hay không thành công nội dung này.

1.4.3. Trình độ, trình độ, năng lực của cán bộ quản lý nhà trường trong việc huy động và sử dụng nguồn tài chính

thể hiện tất cả các hoạt động quản lý tài chính của nhà trường cần thi thiết phải có trình độ cán bộ quản lý có các năng lực thể hiện như: Năng lực lập kế hoạch, năng lực kết nối và huy động nguồn lực, năng lực quản lý tài chính và mặt các kết quả như: kết quả quản lý thay đổi, kết quả phân bổ và thể hiện, kết quả quản lý thời gian, quản lý rủi ro,...

1.4.4. Điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương và trình độ và phạm vi

Thức ăn chăn nuôi, việc trồng nào nằm trong khu vực có điều kiện thuận lợi như KT-XH địa phương phát triển sẽ có thể ảnh hưởng như thu nhập không nhàn và ngược lại vì xã hội hóa giáo dục, thu hút các nguồn vốn, nâng cao chất lượng giảng dạy...

1.5. NHỮNG YẾU TỐ CỦA BỐN VẤN ĐỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA NHÀ TRƯỜNG KHI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

1.5.1. Mục tiêu hiệu quả

Tính hiệu quả là một chỉ tiêu quan trọng trong quản lý tài chính của một trường, thể hiện bằng các chỉ tiêu như hiệu quả của nguồn thu, chi.

1.5.2. Mục tiêu linh hoạt

Tính linh hoạt trong quản lý tài chính theo chế độ và TNXH là việc nhà trường bám sát những quy định của Nhà nước, linh hoạt tìm kiếm, khai thác, đa dạng hóa các nguồn thu; linh hoạt trong việc xác định thể thức nhiệm vụ ưu tiên quan trọng thể hiện những chức năng của mình.

1.5.3. Mục tiêu minh bạch

Minh bạch là yêu cầu cần thi thiết trong việc thể hiện TCTC và TNXH của một trường. Tính minh bạch trong quản lý tài chính thể hiện công khai, chính xác và toàn bộ hoạt động quản lý bao gồm các nguồn thu - chi nhân sự trong trường và các bên liên quan.

1.5.4. Mục tiêu công khai

Công khai tài chính trong nhà trường là việc thông báo các hoạt động thu - chi tài chính những việc liên quan. Hình thức công khai sẽ do Nhà nước quy định thể thức.

1.6. PHƯƠNG PHÁP ÁNH GIÁ

1.6.1. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá

Lựa chọn 5 tiêu chí. Các tiêu chí lựa chọn tiêu chí như Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo...

Lu n án s d ng ph ng pháp ánh giá AHP (Analytical Hierarchy Process) c a Saaty. ây là ph ng pháp có nhi u u i m vì nó ng th i ánh giá c các tiêu chí có tính ch t nh l ng và nh tính. Ph ng pháp ánh giá AHP c th c hi n qua th t sau:

- Tiêu chí 1: Tiêu chí v m c tham gia c a cán b qu n lý trong vi c th c hi n quy n TCTC. Tiêu chí này c ánh giá b ng các ch tiêu m c ti p c n, tham gia, tri n khai và th c hi n các n i dung v TCTC.

- Tiêu chí 2: Tiêu chí v m c th c hi n TNXH trong l nh v c tài chính. Tiêu chí này c ánh giá b ng các ch tiêu o m c trách nhi m c a nhà tr ng v i ng i h c và xã h i; trách nhi m v i nhà n c và c p trên; trách nhi m v i chính nhà tr ng.

- Tiêu chí 3: Tiêu chí v m c th c hi n cam k t công khai tài chính c ánh giá b ng các m c công khai v thu - chi tài chính, m c rõ ràng, m c s n sàng gi i trình khi có b t k ai h i.

- Tiêu chí 4: Tiêu chí v c c u theo nhóm m c chỉ c p ch y u n vi c nhà tr ng có l p c các qu không, m c l ng t ng thêm cho cán b viên ch c trong n m là bao nhiêu tí n...

- Tiêu chí 5: Tiêu chí v c c u các ngu n thu: C c u ngu n thu cho bi t kh n ng TCTC c a nhà tr ng, ngu n thu tài chính càng a d ng thì kh n ng TCTC càng cao.

1.6.2. Xác nh tr ng s c a tiêu chí

Th c hi n TCTC và TNXH g m nhi u nhân t v i vai trò khác nhau, vì v y, xác nh tr ng s cho t ng tiêu chí là c n thi t xác nh rõ m c quan tr ng c a t ng nhân t trong ánh giá m c th c hi n qu n lý TCTC.

1.6.3. Phân b c các tiêu chí ánh giá

M i tiêu chí c ánh giá theo b c, m i b c có t ng ch tiêu riêng. Thang ch tiêu th ng c s d ng bao g m 4 b c t ng ng v i nó là các m c thu n l i theo chi u t trên xu ng là t t, khá, trung bình và y u t ng ng v i các m c t cao xu ng th p là các i m 4, 3, 2, 1.

1.6.4. Ti n hành ánh giá

Ti n hành ánh giá riêng t ng i t ng theo t ng tiêu chí c th và i m ánh giá t ng h p.

1.6.5. ánh giá k t qu

K t qu ánh giá chung cho ta bi t c m c t ch và TNXH c a các tr ng c ánh giá.

1.7. KINH NGHIỆM C A CÁC N C V TH C HI N QUY N T CH VÀ TRÁCH NHI M XÃ H I TRONG QU N LÝ TÀI CHÍNH GIÁO D C I H C

1.7.1. Kinh nghi m c a M

u tiên u t cho giáo d c, phân c p rõ trong qu n lý tài chính, t o ra môi tr ng c nh tranh và s d ng các ngu n thu có hi u qu .

1.7.2. Kinh nghi m c a Singapore

Tính t ch cao th hi n m t s chính sách: t ng l ng, th ng, ph c p và có c ch ã ng linh ho t đ a vào thành tích nghiên c u qu c t ; t ng l ng, tr c p c ho nh ng khoa, ngành có nhu c u cao c a th tr ng; linh ho t trong tài tr nghiên c u khoa h c, t ng các tiêu chu n v ch c v ; ...

1.7.3. Kinh nghi m c a Nh t B n

Nh t B n ã t p oàn hóa các tr ng H v i m t s tiêu chí: tính t ch , qu n lý hi u qu , t ng c ng ki m tra giám sát t h th ng ngoài tr ng h c; h th ng tuy n đ ng nhân s t ch ; vi c ánh giá các tr ng c th c hi n b i t ch c b ba: Nhà n c-tr ng i h c-c ng ng.

1.7.4. Kinh nghi m c a Trung Qu c

Coi u t c a nhà n c là ch y u, khuy n khích th c hi n a d ng hóa giáo d c, t ng quy n t ch và t ch u trách nhi m cho a ph ng.

1.7.5. Kinh nghi m c a Hàn Qu c

a d ng hóa ngu n u t tài chính cho giáo d c, phân c p m nh ngu n tài chính cho a ph ng, u tiên cho các tr ng tr ng i m.

K T LU N CH NG 1

Trong Ch ng 1, lu n án ã khái quát các công trình nghiên c u c a nhi u tác gi trên th gi i và Vi t Nam v v n TCTC và TNXH theo m t h th ng c s p x p theo th t th i gian. Lu n án ã k th a có ch n l c nh ng u i m c n thi t t ngu n tài li u.

Lu n án ã áp d ng quan i m h th ng, lãnh th , t ng h p, qu n lý s thay i trong quá trình nghiên c u. Xác nh rõ các nhân t nh h ng n vi c th c hi n TCTC và TNXH.

th c hi n t t c h t ch và TNXH c a nhà tr ng trong qu n lý tài chính, lu n án ã xác nh m t s yêu c u c b n có ý ngh a quan tr ng trong vi c xu t các gi i pháp cho vi c th c hi n TCTC và TNXH c t th n.

Đ a trên k t qu nghiên c u c a các nhà khoa h c trên th gi i và Vi t Nam, k t h p v i vi c h i ý ki n các chuyên gia và kinh nghi m qu n lý c a b n thân, tác gi ã xây đ ng 5 tiêu chí c n thi t ánh giá khách quan ho t ng qu n lý tài chính theo c ch t ch .

Chương 2
THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ VÀ
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÁC TRƯỜNG CAO HỌC KHU VỰC TÂY BẮC

2.1. TÌNH QUAN VỀ VIỆC KIỂM ĐIỂM NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC TÂY BẮC

2.1.1. Kiểm điểm nhiên

Khu vực Tây Bắc gồm 4 tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình, Sơn La, là khu vực có nhiều khó khăn về kiểm điểm nhiên nhiên như địa hình, khí hậu,...

2.1.2. Kiểm điểm kinh tế - xã hội

Điều kiện KT-XH của khu vực Tây Bắc nói chung còn nghèo. Các sinh hoạt tập thể bị suy giảm do các dân tộc trong vùng còn mức độ nghèo nàn và cách biệt lớn so với khu vực đồng bằng.

2.2. HIỆN TRẠNG CÁC TRƯỜNG CAO HỌC KHU VỰC TÂY BẮC

- Quy mô đào tạo ngày càng lớn, loại hình ngày càng đa dạng.

- Quy mô chi tiêu ngân sách ngân quỹ và quản lý không ngừng được nâng cao áp dụng ngày càng tốt hơn quy mô đào tạo tự nhiên vẫn còn nhiều hạn chế nhất định.

- Các nguồn tài chính của các trường vẫn chủ yếu là nguồn NSNN cấp (trên 70%), tài trợ ngân sách xã hội còn chiếm mức độ thấp, chủ yếu là các khoản thu từ các loại phí.

2.3. QUY MÔ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CÁC TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2.3.1. Trường Cao học Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên

Quy mô đào tạo các trường tăng qua các năm, trong đó tăng đáng kể sinh viên cao học, duy trì và tăng tỉ lệ sinh viên học sinh TCCN.

2.3.2. Thành tích trường Cao học Công nghệ Lai Châu

Hiện trường được phép vào 6 ngành đào tạo trình độ cao học. Trong những năm qua, quy mô đào tạo của nhà trường duy trì và mở rộng một cách nhanh chóng, từ 711 HSSV (2008) lên 2.147 HSSV (2011).

2.3.3. Trường Cao học Sơn La

Số lượng tuyển sinh của nhà trường không ngừng tăng lên qua các năm, quy mô đào tạo không ngừng mở rộng các ngành nghề đào tạo và số lượng HSSV, chi tiêu ngân sách ngày càng được nâng cao.

2.3.4. Trường Cao học Sư phạm Điện Biên

Số lượng tuyển sinh của nhà trường vẫn tiếp tục tăng qua các năm, trong đó quy mô đào tạo trình độ chi tiết tăng lên trong tổng quy mô đào tạo trường.

2.4. ẢNH HƯỞNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÁC TRƯỜNG CAO HỌC KHU VỰC TÂY BẮC THEO CÁC TIÊU CHÍ

2.4.1. Ảnh hưởng của tham gia của cán bộ, viên chức trong việc thực hiện chính sách tài chính

2.4.1.1. Xác định chỉ tiêu, mức độ ảnh hưởng

Chỉ tiêu tham gia của cán bộ viên chức khi tiếp cận các nội dung về TCTC, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong 04 trường Cao học khu vực Tây Bắc được đánh giá qua 4 mức: Mức 1: Hoàn toàn không tham gia; mức 2: Tham gia một phần; mức 3: Tham gia phần lớn; mức 4: Tham gia hoàn toàn.

2.4.1.2. Tiến hành ảnh hưởng

Kết quả cho thấy mức độ tham gia của cán bộ viên chức khi thực hiện TCTC có sự khác biệt. Trường Cao học Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên và Cao học Sơn La tốt hơn các trường khác. Hai trường còn lại mức trung bình. Luận án đã phân tích cụ thể những nguyên nhân dẫn đến kết quả trên.

2.4.2. Ảnh hưởng của thực hiện trách nhiệm xã hội trong quản lý tài chính

2.4.2.1. Xác định chỉ tiêu, mức độ ảnh hưởng

Luận án lựa chọn các chỉ tiêu: Nhà trường mở rộng chi tiêu vào hoạt động cam kết, sử dụng kinh phí tốt và kinh phí đóng góp của học sinh có hiệu quả; ghi trình minh bạch về các bên liên quan; mở rộng quy định của sinh viên, cán bộ, viên chức, giáo viên, cựu giáo viên. Sau đó tiến hành đánh giá theo 4 mức từ thấp đến cao như sau.

2.4.2.2. Tiến hành ảnh hưởng

Kết quả đánh giá trên cho thấy các trường Cao học công lập khu vực Tây Bắc trong thực hiện TNXH trong quản lý tài chính đều có kết quả khá trong đó cao nhất là trường Cao học Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên, tiếp theo là trường Cao học Sơn La, trường Cao học Sư phạm Điện Biên và cuối cùng là trường Cao học Công nghệ Lai Châu.

2.4.3. Ảnh hưởng của thực hiện tính công khai trong quản lý tài chính

2.4.3.1. Xác định chỉ tiêu, mức độ ảnh hưởng

Căn cứ Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục và đào tạo

giáo dục quy định về các nội dung và hình thức mà nhà trường phải thực hiện công khai tài chính; Nghị quyết 91/2008/N-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ công khai kết quả kinh tế và kết quả thực hiện kế hoạch, kế hoạch kinh tế của Kế toán Nhà nước...; Luận án xây dựng các chỉ tiêu cho tiêu chí này theo 4 mức: Tốt, khá, trung bình, yếu.

2.4.3.2. Tiêu hành đánh giá

Kết quả cho thấy mức thực hiện công khai trong hoạt động tài chính của 4 trường mức trung bình. Nguyên nhân trên là do một số CB, GV nhân sự chưa cao, chưa quan tâm đến việc công khai tài chính, tâm lý ngại phiền khi có yêu cầu của các bên liên quan.

2.4.4. đánh giá theo các nhóm chỉ

2.4.4.1. Xác định chỉ tiêu, mức đánh giá

Căn cứ Nghị quyết 43/2006/N-CP, luận án lựa chọn nội dung làm chỉ tiêu đánh giá gồm: trích lập quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ tín dụng thêm; cách thức tín dụng cho cán bộ, viên chức mức công bố công bố thông tin về mức 3 tháng liền kề; mức chi cho các mục này thông qua 5 năm liền kề.

2.4.4.2. Tiêu hành đánh giá

Kết quả đánh giá cho thấy, ngoài trường CSNL là mức trung bình, 3 trường còn lại chỉ đạt mức yếu. Số tín dụng thêm có thông qua các nhóm không cao, có trường không đạt cả 1 tháng. Các quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng đã chi phần lớn số tiền chi trả.

2.4.5. đánh giá theo các mức và mức chi trả v ngân thu

2.4.5.1. Xác định chỉ tiêu, mức đánh giá

xác định các mức chi trả trong tiêu chí ngân thu. Theo ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý tài chính cho rằng ngân thu ngoài ngân sách cao hơn thì thành công trong TCTC của trường. Trong phạm vi là trường miền núi, thu ngoài ngân sách phải đạt mức trung bình là 40% so với ngân thu là rất tốt. Mức yếu là khi ngân thu ngoài ngân sách chỉ < 10% trong tổng ngân thu.

2.4.5.2. Tiêu hành đánh giá

Việc đánh giá chi trả ngân thu của 4 trường chỉ đạt mức trung bình. Tuy nhiên, khi đánh giá riêng thì mức chi trả có kết quả chi trả ngân thu rất khác nhau. Trường Kinh tế - Kỹ thuật Yên Bái có

nguồn tài chính tăng khi thực hiện các chỉ tiêu TCTC. Tuy nhiên, trường ngân thu sinh lợi trong tổng ngân thu tài chính còn chưa cao, mức chi trả khác.

Trường CSNL và trường Lai Châu là những trường nên ngân kinh phí cho hoạt động đào tạo của trường chi yếu yếu ngân NSNN cấp, ngân xây dựng cơ bản và ngân thu sinh lợi. Vì thế các ngành nghề đào tạo của trường phần lớn là các ngành sản phẩm không thu học phí, song, ngân thu sinh lợi của trường hàng năm vượt thông qua việc tăng các hoạt động liên kết đào tạo, tuy nhiên, mức chi trả không cao (chỉ đạt 10% tổng ngân thu) và có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2009 - 2011. Mức đánh giá: Yếu.

Trường CSNL là một trong những trường thực hiện và vận động tốt các chỉ tiêu TCTC và công tác xã hội hóa giáo dục, đã nâng hóa các ngân thu tổng ngân thu sinh lợi. Tuy vậy, ngân thu sinh lợi hàng năm chỉ chiếm 10-18%, trung bình là 12.7%, chỉ đạt mức trung bình.

Trường SPM Yên Bái, các ngân tài chính của trường có xu hướng tăng qua các năm. Tuy nhiên, ngân kinh phí chi trả vẫn là NSNN cấp. Ngân thu sinh lợi, mức chi trả chỉ trong tổng ngân sách của trường, nhưng là ngân thu có số tiền tăng trưởng tăng dần. Mức đánh giá: Trung bình.

2.4.6. đánh giá tổng hợp mức chi trả tài chính và trách nhiệm xã hội của các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

Bảng 2.39: Bảng kết quả đánh giá tổng hợp

Tiêu chí đánh giá	Trang số (n _i)	Trường đánh giá			
		C Kinh tế KT Yên Bái	C Trường Lai Châu	C SNL	C SPM Yên Bái
TC 1	0,034	0.102	0.068	0.102	0.068
TC 2	0,058	0.174	0.174	0.174	0.174
TC 3	0,159	0.318	0.318	0.318	0.318
TC 4	0,279	0,279	0,279	0.058	0,279
TC 5	0,471	1.413	0.471	0.942	0.942
Tổng cộng		2.278	1.310	2.079	1.781
Đánh giá chung		Khá	Trung bình	Khá	Trung bình

2.5. NH NG THÀNH T U VÀ H N CH TH C HI N QUY N T CH VÀ TRÁCH NHI M XÃ H I TRONG QU N LÝ TÀI CHÍNH C A CÁC TR NG CAO NG KHU V C TÂY B C

2.5.1. Thành t u

- Ngu n thu s nghi p c a các tr ng t ng lên qua các n m.
- Các tr ng ã áp d ng các bi n pháp qu n lý tài chính theo c ch công khai minh b ch, thông qua quy ch chỉ tiêu n i b .
- Nhà tr ng ã c i cách ti n l ng, phát tri n các qu d phòng qu phúc l i, qu khen th ng.
- Công tác tuyên truy n, giáo d c t t ng ã thúc y chuy n bi n nh n th c c a cán b viên ch c - t o s ch ng sáng t o c a cán b viên ch c tham gia tích c c vào các ho t ng c a nhà tr ng...

2.5.2. H n ch và nguyên nhân

Lu n án ã t ng h p nh ng h n ch sau khi ti n hành ánh giá. Xác nh rõ tiêu chí ó thu c ph m vi nào, nguyên nhân d n n h n ch trên là gì. ây là c s xây d ng nh ng gi i pháp c th kh c ph c hi n tr ng còn t n t i trên.

K T LU N CH NG 2

Trong Ch ng 2, lu n án ã tóm t t i u ki n t nhiên, KT-XH c a khu v c Tây B c. ây là nh ng i u ki n có nh h ng nh t nh n vi c th c hi n TCTC và TNXH c a các i t ng nghiên c u.

ánh giá c khách quan m c th c hi n TCTC và TNXH c a các i t ng nghiên c u, lu n án ã xây d ng 5 tiêu chí g m: (1) Tiêu chí v m c tham gia c a cán b viên ch c trong vi c th c hi n quy n t ch ; (2) Tiêu chí v m c th c hi n TNXH trong qu n lý tài chính; (3) Tiêu chí v m c th c hi n công khai trong qu n lý tài chính; (4) Tiêu chí v c c u các nhóm m c chi; (5) Tiêu chí v các nhóm m c thu. Trong các tiêu chí trên có nh ng tiêu chí mang tính nh tính rõ r t. h n ch s nh tính trong ánh giá, lu n án ã áp d ng nhi u ph ng pháp khác nhau nh ph ng pháp i u tra kh o sát, ph ng pháp chuyên gia k t h p v i vi c bám sát các quy nh c a Nhà n c. V i nh ng tiêu chí có tính nh l ng rõ r t, lu n án c n c vào m t s quy nh c a Nhà n c nh Ngh nh s 43... tí p t c xây d ng các ch tiêu cho t ng tiêu chí.

bi t c s th c hi n c a i t ng nghiên c u trong t ch và TNXH trong qu n lý tài chính hi n nay, lu n án ã xây d ng các ch tiêu

c a t ng tiêu chí theo 4 m c t t t, khá, trung bình n kém t ng ng v i các m c là s i m t cao xu ng th p là 4, 3, 2, 1.

Ti n hành ánh giá riêng t ng i t ng theo các tiêu chí trên. K t qu : v i tiêu chí th nh t Tr ng C Kinh t - K thu t và Tr ng C S n La ã t m c khá. Tr ng C C ng ng Lai Châu và Tr ng C S ph m i n Biên t m c trung bình.

K t qu c a tiêu chí 2 cho th y c 4 tr ng u t m c khá v i c th c hi n TNXH trong qu n lý tài chính.

V i tiêu chí 3 là v i c th c hi n công khai trong qu n lý TCTC thì c 4 tr ng u t m c trung bình. Lu n án ã xác nh rõ nguyên nhân d n n k t qu trên và phân tích này c coi là c s a ra nh ng gi i pháp kh c ph c c th hi n c th trong ch ng 3.

Trong tiêu chí v i c th c hi n chi ti n l ng t ng thêm và chi qu phúc l i cho cán b , viên ch c thì ngo i tr Tr ng C S n La, 3 tr ng còn l i u m c y u.

S phân hóa v k t qu ánh giá th hi n rõ nh t k t qu ánh giá trong tiêu chí 5, trong ó m c khá là Tr ng C Kinh t - K thu t i n Biên, m c y u là Tr ng C C ng ng Lai Châu và hai tr ng còn l i t m c trung bình. Lu n án ã phân tích c th nguyên nhân d n n k t qu này trong quá trình ánh giá.

Sau khi ti n hành ánh giá riêng, lu n án ánh giá t ng h p v i c th c hi n TCTC và TNXH c a 4 i t ng nghiên c u. Theo ó Tr ng C Kinh t - K thu t i n Biên và Tr ng C S n La ã t c m c khá. Hai tr ng còn l i ch m c trung bình. K t qu ánh giá ã ch ra c nh ng tích c c và h n ch c a các tr ng trong vi c th c hi n qu n lý tài chính theo c ch t ch và TNXH. K t qu ánh giá là c s lu n án xác nh nh h ng và ra các gi i pháp c th kh c ph c h n ch trên, là c s lý lu n và th c ti n các tr ng C khu v c Tây B c th c hi n t t h n ho t ng qu n lý tài chính trong t ng lai.

Chương 3
GIỚI PHÁP THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CH
VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÁC TRƯỜNG CAO HỌC KHU VỰC TÂY B C

3.1. NHỮNG NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG VÀ NGUYÊN TẮC LẬP ÁCH NHIỆM GIỚI PHÁP

3.1.1. Những nguyên tắc của Nhà nước

- Chức năng xóa bỏ chế độ phát tài chính theo kiểu "xin cho", ban hành chế độ TCTC cho các ngành nghề.

- Tỉ lệ phần trăm quản trị tài sản và yêu cầu "Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, ưu tiên cho GD&ĐT là ưu tiên phát triển".

- Khuyến khích các ngành nghề nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa các hoạt động chuyên môn phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, tích cực khai thác nguồn thu dịch vụ theo hướng cạnh tranh lành mạnh giữa các trường trong và ngoài ngành.

- Các biện pháp phân bổ, phân bổ chính sách, chế độ quản lý liên quan khác nhau: chính sách lương, chế độ cách hành chính, ào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,...

3.1.2. Những nguyên tắc của các trường cao học công lập khu vực Tây B C

- Xây dựng chiến lược ào tạo dài hạn theo hướng chu đáo hóa chất lượng ào tạo từ các bậc, học ào tạo nhằm ào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ phát triển KT-XH của các tỉnh Tây B C.

- Đa dạng hóa các loại hình ào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập cho mọi tầng lớp xã hội.

- ào tạo phải mở rộng chất lượng giảng dạy trong điều kiện chi phí còn hạn hẹp.

- Đảm bảo quản lý tài chính. Giám sát tiêu chuẩn quản lý tài chính của các trường và mức tiêu chuẩn của nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách trong các trường công lập.

- Phân bổ thành công ào tạo có năng lực, có uy tín, ào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh trong khu vực và quốc gia.

3.1.3. Nguyên tắc lập kế hoạch các giới pháp

3.1.3.1. Nguyên tắc kế hoạch

Nguyên tắc kế hoạch thực hiện trên những khía cạnh: kế hoạch sản xuất, bổ máy quản lý tài chính và kinh nghiệm quản lý tài chính của

các nhà quản lý tài chính trực tiếp; kế hoạch uy tín của Nhà trường và kế hoạch tình hình tài chính trong thời gian qua của trường.

3.1.3.2. Nguyên tắc thực hiện

Ban chấp hành trường quản lý tài chính nào thực hiện khai, thực hiện thực hiện trên nguyên tắc phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế bên ngoài của nhà trường. Nhà trường cần tác động các nhân tố khách quan cho phép trường nhanh chóng nắm bắt cơ hội và những điều kiện thuận lợi phát triển, mở rộng và nâng cao chất lượng ào tạo.

3.1.3.3. Nguyên tắc hiệu quả

Ngoài hai nguyên tắc kế hoạch và thực hiện, khi lập kế hoạch các biện pháp quản lý công tác tài chính, cần phải dựa trên nguyên tắc hiệu quả. Các biện pháp quản lý tài chính nào không dựa vào nguyên tắc hiệu quả thì các nhà trường khó có thể đạt được mục tiêu đề ra.

3.1.3.4. Nguyên tắc mở rộng mục đích

Thực hiện quy định và trách nhiệm trong quản lý tài chính của các trường công lập không chỉ mở rộng nguồn thu và nâng cao hiệu quả sản xuất tài chính mà quan trọng hơn nữa là khai thác và sử dụng nguồn lực tài chính phát triển ào tạo và NCKH của nhà trường.

3.2. CÁC GIỚI PHÁP THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC TRƯỜNG CAO HỌC CÔNG LẬP KHU VỰC TÂY B C

3.2.1. Nhiệm vụ thực hiện và trách nhiệm xã hội trong quản lý tài chính của trường

Mục tiêu nhiệm vụ nâng cao chất lượng cán bộ, viên chức trong nhà trường và TNXH của trường.

- Các trường phải nâng cao chất lượng và TNXH là chức năng tìm kiếm, sử dụng nguồn tài chính hợp lý; sản xuất, biên chế, thực hiện hoạt động khoa học; công khai các khoản thu-chi trong nhà trường; thực hiện tiết kiệm, chi ngân sách; nâng cao hiệu suất hoạt động của cán bộ viên chức; thúc đẩy nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

- Ban giám hiệu lập kế hoạch, thực hiện, tuyên truyền cho cán bộ, viên chức trong trường.

- Thực hiện các chức năng và TNXH.

3.2.2. Hoàn thiện công tác kế hoạch ngân thu và số ngân kinh phí tối ưu khi ngân trong quản lý và thực hiện các mục tiêu phát triển của trường

Công tác và hoàn thiện kế hoạch ngân thu nhằm mở rộng cho các nguồn tài chính khai thác tiềm năng, quản lý chi tiêu, số ngân có hiệu quả, phù hợp với chính sách quy định của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng hoạt động.

Mục tiêu chính của công tác kế hoạch hóa về quản lý và số ngân thu của trường cần thực hiện tuân theo các bước: Lập kế hoạch, bố trí kế hoạch; giao kế hoạch; phân bổ kế hoạch; thực hiện kế hoạch và báo cáo cùng là kiểm tra, đánh giá.

3.2.3. Áp dụng hóa ngân thu trên cơ sở phát huy sáng kiến sáng tạo của các khoa, phòng và đội ngũ giảng viên

Mục tiêu áp dụng hóa ngân thu cần mở rộng quy mô, áp dụng các loại hình hoạt động; giảng viên khen thưởng, cá nhân tìm kiếm các nguồn lực tài chính; thực hiện các dịch vụ, trên cơ sở nghiên cứu, áp dụng sáng kiến kinh nghiệm chuyên ngành khoa học kỹ thuật, trong các hoạt động của nhà trường; tăng cường hợp tác quốc tế... Cách thức thực hiện là ban giám hiệu chủ trì phối hợp với các phòng, khoa chuyên môn xây dựng quy hoạch hoạt động của trường trong từng giai đoạn phù hợp; thực hiện các hình thức dịch vụ, tranh thủ giúp đỡ của các cấp, các tổ chức xã hội trong và ngoài trường...

3.2.4. Bổ sung, hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với thực tiễn, mở rộng tính hiệu quả số ngân kinh phí và hiệu suất lao động

Vì mục đích tập trung quản lý, thực hiện các nguồn thu, tăng cường các nguồn thu, mở rộng về chi tiêu thực tiễn, tiết kiệm, hợp lý nên thực hiện góp phần tăng bước chi tiêu, nâng cao thu nhập cho CB, GV, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường, vì thực hiện hiệu quả hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tiễn phát triển của môi trường là cần thiết. Thực hiện giải pháp này, luận án đã xác định rõ nội dung và cách thức thực hiện kết hợp song song là các hiệu quả và thực hiện giải pháp trên.

3.2.5. Nâng cao năng lực quản lý tài chính của lãnh đạo nhà trường, cán bộ quản lý các phòng, khoa và đội ngũ máy, nâng cao chất lượng nhân lực làm công tác tài chính

Nâng cao năng lực quản lý tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý nhằm số ngân thu có hiệu quả. Mục tiêu chính của giải pháp trên cần chú trọng hoạt động cho đội ngũ cán bộ, sinh viên, công nhân viên

quản lý; xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của lãnh đạo; giao trách nhiệm và quy định các thành viên cá nhân, từng bộ phận, lớp học, phòng, ...

3.2.6. Thực hiện phân tích đánh giá hoạt động tài chính hiệu quả khi ngân trong quản lý nhà trường

Phân tích hoạt động tài chính là làm rõ trách nhiệm giải trình, tính hiệu quả và việc giao quy định TCTC cho các trường, giúp phát hiện khi phát sinh các sai sót và tìm ra nguyên nhân có biện pháp khắc phục. Thực hiện các tiêu trên, phòng Kế hoạch - Tài chính xây dựng báo cáo phân tích tài chính theo quy định. Công khai, minh bạch ngân thu, chi và các bên liên quan. Việc thanh tra, đánh giá của các cơ quan chức năng sẽ mở rộng tính khách quan trong quá trình thực hiện giải pháp.

3.2.7. Thực hiện chế độ giám sát tài chính, kiểm tra nội bộ mở rộng và minh bạch

Kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính là một biện pháp mở rộng cho các quy định và các kết quả tài chính thực hiện nghiêm chỉnh, các số liệu tài chính ghi chép chính xác, trung thực và có hệ thống. Thực hiện giải pháp trên, tăng cường kiểm soát phía bên trong của trường, nhiệm vụ của mình xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra giám sát. Bên cạnh đó, kiểm tra, giám sát phải đi kèm phân tích đánh giá nhằm tìm ra những khuyết điểm, những khó khăn vướng mắc và những việc làm nào có hiệu quả có những số ngân kinh phí hiệu quả hơn trong những năm sau. Các biện pháp thực hiện trên khi quy toán năm.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC GIẢI PHÁP

Các giải pháp quản lý nhằm tăng cường quy định và TNXH trong quản lý tài chính có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tuy nhiên, số ngân quản lý nguồn lực tài chính, áp dụng những yêu cầu hoạt động, góp phần vào sự bền vững và phát triển bền vững của Nhà trường cần tiến hành đồng bộ 7 giải pháp trên.

3.4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM MỘT SỐ GIẢI PHÁP

3.4.1. Kết quả nghiên cứu tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

Xác định mức cần thiết và tính khả thi của 7 giải pháp đã xuất, luận án đã tiến hành khảo nghiệm. Kết quả cho thấy biện pháp 1, 2, 3 là những biện pháp có đánh giá là rất cần thiết và tính khả thi khá cao hơn biện pháp 4, 5, 6, 7 có đánh giá là có tính cần thiết và tính khả thi.

3.4.2. Th nghiệm gi i pháp a d ng hóa các ngu n thu

V i m c ích ã ra, tác gi ã th c nghi m gi i pháp: a d ng hóa các ngu n thu d a trên nguyên t c phát huy sáng t o i v i các phòng, khoa và t ng CB, GV t i tr ng Cao ng Kinh t - K thu t i n Biên n m 2012 và t i p t c xây d ng k ho ch th c hi n các gi i pháp khác trong th i gian t i p theo.

K t qu th nghi m cho th y có s chuy n bi n tích c c trong vi c a d ng hóa ngu n thu. Các m c tiêu khác cho nh ng tiêu chí còn l i u t t lên. Dù k t qu ch a th hi n c s t i n tr i n v t b c do th nghi m m i ch c t i n hành trong th i gian ng n, song nó c ng kh ng nh c tính kh thi trong vi c áp d ng các gi i pháp nh m nâng cao ch t l ng qu n lý TCTC và TNXH i v i các tr ng C công l p khu v c Tây B c.

K T LU N CH NG 3

Trên c s k t qu ánh giá c a ch ng 2, lu n án ã xác nh rõ nh ng h n ch nguyên nhân đ n n m i h n ch . có th a ra các gi i pháp kh c ph c cho các h n ch trên, trong quá trình l a ch n các gi i pháp lu n án xem xét m t s nh h ng g m: nh h ng phát tri n c a Nhà n c; chi n l c phát tri n c a m i tr ng nghiên c u. ây là nh ng nh h ng quan tr ng, có tác d ng nh m t kim ch nam trong vi c xây d ng các nh h ng nâng cao ch t l ng t ch và TNXH c a các tr ng C khu v c Tây B c trong qu n lý tài chính.

m b o tính kh thi c a các gi i pháp, lu n án ã l a ch n 3 nguyên t c l a ch n g m: nguyên t c k th a, nguyên t c th c t i n, nguyên t c hi u qu và nguyên t c m b o tính m c ích.

Trên c s nh h ng c a Nhà n c và b i c nh th c t và nh ng h n ch ã xác nh, lu n án xu t 7 gi i pháp t ng c ng t ch và TNXH trong qu n lý tài chính c a các tr ng C công l p khu v c Tây B c, bao g m các gi i pháp: (1) i m i nh n th c v th c hi n t ch và TNXH trong qu n lý tài chính i v i ho t ng c a nhà tr ng; (2) Hoàn thi n công tác k ho ch ngu n thu và s d ng kinh phí t o i u ki n ch ng trong qu n lý và th c hi n các m c tiêu phát tri n c a tr ng; (3) a d ng hóa ngu n thu trên c s phát huy s n ng ng sáng t o c a các khoa, phòng và m i cán b , gi ng viên; (4) B sung, hoàn thi n Quy ch chi tiêu n i b phù h p v i th c t i n, m b o tính hi u qu s d ng kinh phí; (5) Nâng cao n ng l c qu n lý tài chính c a lãnh o nhà tr ng, cán

b qu n lý các phòng, khoa và i m i b máy, nâng ch t l ng nhân l c làm công tác tài chính; (6) Th c hi n phân tích, ánh giá ho t ng tài chính i u ch nh k p th i nh ng b t c p trong qu n lý nhà tr ng; (7) Th c hi n c ch giám sát tài chính, ki m tra n i b m b o hi u qu và mi nh b ch. M i gi i pháp i sâu vào gi i quy t m t h n ch chính và vi c th c hi n kh c ph c h n ch chung theo quan i m áp d ng ng b các gi i pháp khác nhau.

Trong m i gi i pháp, lu n án xác nh c th m c tiêu th c hi n gi i pháp làm gì, th c hi n gi i pháp cho nh ng n i dung nào, cách th c th c hi n t ng b c c th , ng th i c ng xác nh các i u ki n c n và m b o vi c áp d ng các gi i pháp c kh thi.

b i t c m c kh thi c a các gi i pháp, lu n án ã t i n hành kh o nghi m và th nghi m. Vi c kh o nghi m giúp tác gi b i t c m c c n thi t c a vi c áp d ng gi i pháp vào th c t . V i 7 bi n pháp c a ra, qua i u tra ã thu l i c k t qu t m c c n thi t n r t c n thi t.

T c s lý lu n và c s th c t i n, lu n án l a ch n gi i pháp a d ng hóa ngu n thu là gi i pháp a vào th nghi m t i tr ng C Kinh t - K thu t i n Biên. có c k t qu th nghi m không ch riêng v i m c ích là giúp nhà tr ng ngày càng a d ng hóa c ngu n thu mà m c tiêu t ra gi i pháp c th nghi m có th tác ng làm thay i n nhi u n i dung khác nh nâng cao ngu n thu nh p t ng thêm cho cán b , viên ch c; nâng cao nh n th c và n ng l c qu n lý cho cán b , viên ch c..., lu n án s d ng ng b nh ng gi i pháp còn l i, trong ó a d ng hóa ngu n thu là gi i pháp chính. K t qu th nghi m cho th y ã có s thay i theo chi u h ng tích c c sau khi th c hi n gi i pháp này. Nh ng k t qu thu l i sau khi th nghi m ch a th hi n s thay i t b i n mà ch th hi n s chuy n bi n tích c c. i u này không có gì mâu thu n hay gi i pháp không kh thi mà ch vì gi i pháp m i ch c áp d ng trong th i gian ng n. Các gi i pháp ra giúp cho các tr ng t o l p, huy ng và s d ng hi u qu ngu n l c tài chính. ây ch là nh ng gi i pháp chung c b n m i tr ng c n ph i c n c vào c i m th c t i n áp d ng.

K TLU N VÀ KHUY N NGH

Lu n án ã lu n gi i các v n nh sau:

- H th ngl i c s lý lu n vi c TCTC và TNXH c a GD H trong ó có C . L a ch n nh ng n i dung c n thi t có th k th a cho lu n án. Xác nh vi c TCTC và TNXH không th thi u các ho t ng công khai, minh b ch, hi u qu và linh ho t.

- Vi c th c hi n t t hay ch a t t c a m i c s giáo d c ch u nh h ng b i nhi u nhân t khác nhau nh quy nh c a Nhà n c, i u ki n t nhiên, kinh t xã h i a ph ng... Khi ti n hành xây d ng các ch tiêu ánh giá không th b qua nh ng nhân t trên m b o c k t qu khách quan h n khi ánh giá.

- Lu n án ã phân tích nh ng k t qu t c khi th c hi n quy n t ch . ánh giá và xác nh rõ nh ng h n ch và nguyên nhân đ n t n t i các h n ch trên. Nguyên nhân ch quan c a m i tr ng là cán b , viên ch c ch a quan tâm n v n TCTC và TNXH đ n n vi c u t v th i gian, công s c và v t ch t nâng cao n ng l c qu n lý tài chính ch a cao. Các nguyên nhân khác quan khác là s b o b u c c a quy nh Nhà n c, i u ki n kinh t i ph ng th p kém nên ch a thu hút c u t c ng nh ngu n xã h i hóa giáo d c....

m b o th c hi n quy n t ch và TNXH trong qu n lý tài chính c a các tr ng C khu v c Tây B c, lu n án ã xu t 7 gi i pháp. Kh o nghi m tính kh thi c a 7 gi i pháp cho th y có th áp đ ng vào vi c kh c ph c nh ng h n ch trong ho t ng qu n lý tài chính.

* *Khuy n ngh*

i v i Nhà n c:

Th nh t, Nhà n c c n t i p t c i m i c h tài chính, t ng m c u t, h ng đ n vi c y m nh t ch , t o i u ki n cho các tr ng t o l p ngu n tài chính qua c ch t ch , nâng cao ch t l ng ào t o. Bên c nh ó, c n chi ti t hóa ch chính sách u ãi v m i n, gi m h c phí các tr ng C , H công l p.

Th hai, các c quan qu n lý ngân sách chi cho GD& T t Trung ng n a ph ng và các b , ngành c n xem xét, thay i vi c qu n lý ngân sách theo ph ng th c u vào truy n th ng. Tuy c ch này có u i m là ki m soát ch t ch các kho n m c chi tiêu, nh ng nó l i làm h n ch tính ch ng, sáng t o và t ch u trách nhi m c a các tr ng.

Th ba, khi ban hành nh ng quy nh, B Giáo d c và ào t o c n ban hành nh ng thông t liên t ch v i các B ngành khác các s , ban ngành t nh, c bi t là S Tài chính có th v n đ ng t t mà không làm nh h ng l n nhau.

Th t, Nhà n c c n nghiên c u, xây d ng các v n b n quy nh tiêu chí ánh giá m c hoàn thành và ch t l ng ho t ng s nghi p c a n v khi c giao quy n t ch , t ch u trách nhi m ch a c th c hi n.

Th n m, Nhà n c c n lo i b các th t c hành chính r m rà, ch ng chéo, tháo g nh ng khó kh n v chính sách tài chính, có chính sách khuy n khích các tr ng khai thác ngu n thu t ho t ng liên doanh, liên k t ào t o t ng tính TCTC và nâng cao ch t l ng ào t o.

i v i B Giáo d c và ào t o: ph i có nh ng h ng đ n c th và bi n pháp tiên quy t i v i vi c thành l p H i ng tr ng t i các c s giáo d c.

i v i y ban Nhân dân t nh:

Th nh t, c n ch o, h ng đ n các c quan tr c thu c t ch c th c hi n ch t ch theo quy nh c a Chính ph , B Giáo d c và ào t o, B Tài chính, B N i v .

Th hai, c n ban hành các tiêu chí c b n làm c n c ánh giá k t qu th c hi n nhi m v c a các c quan tr c th u c khi th c hi n ch t ch .

Th ba, c n có h th ng ki m tra, giám sát vi c th c hi n c ch t ch c a các n v s nghi p. th y vi c th c hi n c ch t ch là t o i u ki n cho th tr ng và cán b công ch c trong n v ch ng s đ ng biên ch và kinh phí c giao, g n vi c s đ ng kinh phí v i ch t l ng và hi u qu công vi c.